

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**DANH SÁCH HỌC VIÊN THẠC SĨ KHÓA 2021-2023
THI CHỨNG CHỈ SINH HỌC PHẦN TỬ**

Thời gian: 13 giờ 30 phút, Thứ Bảy 28/5/2022

Địa điểm: Giảng đường 5A

TT	Số báo danh	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên
01	11001	127211001	Trịnh Bá Hùng Mạnh	28/9/1990	Đắk Lắk	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)		
02	11002	127211002	Lâm Hồ Gia Phúc	29/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)		
03	11004	127211004	Nguyễn Thành Trung	14/12/1989	Vĩnh Long	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)		
04	11005	127211005	Trần Song Ngọc Châu	25/4/1994	Thừa Thiên Huế	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)		
05	11006	127211006	Nguyễn Linh Nhật Đăng	23/01/1994	Tiền Giang	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)		
06	11010	127211010	Ngô Mỹ Nhung	03/12/1995	Quảng Nam	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)		
07	11015	127211015	Nguyễn Thị Thanh Dung	17/02/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
08	11017	127211017	Nguyễn Thị Ngọc Hân	08/02/1996	Cần Thơ	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
09	11019	127211019	Trần Thái Hoàng	26/11/1996	Khánh Hòa	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
10	11021	127211021	Đình Nhã Khoa	03/8/1991	Tiền Giang	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
11	11022	127211022	Nguyễn Thị Ngọc Lan	08/7/1994	Đồng Nai	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
12	11023	127211023	Nguyễn Thị Mỹ Linh	30/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
13	11024	127211024	Trương Thị Ngọc Nga	18/7/1996	Đắk Lắk	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
14	11026	127211026	Bùi Quang Phục	07/02/1992	Đắk Lắk	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
15	11027	127211027	Lương Thị Mỹ Phụng	20/10/1991	Đắk Nông	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
16	11029	127211029	Lê Ngô Gia Thảo	31/3/1993	Đồng Nai	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
17	11033	127211033	Đặng Xuân Trường	20/7/1993	Thái Nguyên	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		
18	11034	127211034	Danh Bình An	09/02/1993	Kiên Giang	Gây mê hồi sức.		
19	11035	127211035	Nguyễn Thanh Hiếu	28/7/1992	Thừa Thiên Huế	Gây mê hồi sức.		
20	11037	127211037	Bùi Quốc Khánh	02/11/1992	Hải Phòng	Gây mê hồi sức.		
21	11038	127211038	Đỗ Thị Hạnh Nguyên	22/4/1991	Lâm Đồng	Gây mê hồi sức.		
22	11044	127211044	Nguyễn Huyền Thoại	27/9/1994	Trà Vinh	Gây mê hồi sức.		
23	11045	127211045	Phan Quốc Thống	28/10/1996	Bình Định	Gây mê hồi sức.		
24	11049	127211049	Huỳnh Quang Đậm	19/3/1995	Hậu Giang	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		

TT	Số báo danh	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên
25	11050	127211050	Vũ Lê Thành Đạt	14/7/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
26	11054	127211054	Ngô Nhật Hoa	27/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
27	11055	127211055	Nguyễn Khánh Hưng	13/6/1991	Bình Thuận	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
28	11056	127211056	Võ Khắc Huy	19/3/1993	Tây Ninh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
29	11057	127211057	Nguyễn Minh Nhật	26/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
30	11060	127211060	Trương Hoàng Yến Vy	27/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)		
31	11061	127211061	Trần Hoàng Hiếu	03/02/1995	Trà Vinh	Khoa học y sinh (Giải phẫu học)		
32	11062	127211062	Lê Dương Hoàng Huy	31/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Hóa sinh)		
33	11063	127211063	Kha Đắc Lượng	03/10/1995	Trà Vinh	Khoa học y sinh (Hóa sinh)		
34	11064	127211064	Nguyễn Đức Chính	18/11/1993	Bình Định	Khoa học y sinh (Ký sinh trung y học)		
35	11065	127211065	Phạm Thị Hồng	23/9/1991	Nam Định	Khoa học y sinh (Ký sinh trung y học)		
36	11066	127211066	Lê Nguyễn Uyên Phương	19/3/1996	Cần Thơ	Khoa học y sinh (Ký sinh trung y học)		
37	11067	127211067	Nguyễn Như Hiền	16/01/1995	Trà Vinh	Khoa học y sinh (Mô phôi)		
38	11068	127211068	Đặng Thu Hương	25/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
39	11069	127211069	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	28/12/1993	Đồng Nai	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
40	11070	127211070	Lâm Kiến Thành	25/8/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
41	11071	127211071	Nguyễn Thị Kiều Tiên	03/10/1995	Trà Vinh	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
42	11072	127211072	Đặng Nguyễn Hương Trinh	23/4/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)		
43	11076	127211076	Lê Huy Minh Hoàng	24/4/1994	Cần Thơ	Ngoại khoa		
44	11077	127211077	Phan Minh Hoàng	15/12/1995	Đồng Nai	Ngoại khoa		
45	11079	127211079	Huỳnh Thanh Huỳnh	12/7/1996	Đắk Lắk	Ngoại khoa		
46	11080	127211080	Huỳnh Văn Linh	04/11/1994	Trà Vinh	Ngoại khoa		
47	11081	127211081	Hà Minh Lực	05/9/1996	Đồng Tháp	Ngoại khoa		
48	11082	127211082	Phạm Quang Nhật	21/4/1994	Lâm Đồng	Ngoại khoa		
49	11086	127211086	Trần Đông Thức	14/01/1994	Bến Tre	Ngoại khoa		
50	11087	127211087	Nguyễn Trần Tín	06/11/1993	Bình Định	Ngoại khoa		
51	11088	127211088	Trần Văn Toàn	20/11/1990	Quảng Nam	Ngoại khoa		
52	11091	127211091	Mai Vũ Gia Bảo	16/7/1996	Bình Thuận			
53	11092	127211092	Phan Cảnh Đạt	10/01/1996	Bình Định			

TT	Số báo danh	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên
54	11093	127211093	Nguyễn Sơn Hải	24/9/1995	Lâm Đồng			
55	11094	127211094	Lâm Kiếm Hồng	12/5/1996	Kiên Giang			
56	11095	127211095	Trịnh Minh Hùng	28/7/1991	Hải Phòng			
57	11096	127211096	Nguyễn Văn Huỳnh	16/02/1996	Đắk Lắk			
58	11097	127211097	Nguyễn Mạnh Kha	24/5/1995	Tp. Hồ Chí Minh			
59	11098	127211098	Lê Minh Khoa	15/01/1994	Đồng Tháp			
60	11100	127211100	Võ Văn Khoa	12/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh			
61	11102	127211102	Nguyễn Thị Mỹ Linh	11/5/1993	Cần Thơ	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
62	11103	127211103	Lê Hoàng Khôi Nguyên	07/5/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
63	11104	127211104	Nguyễn Trần Hoàng Phú	26/6/1996	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
64	11108	127211108	Đoàn Minh Thái	18/01/1996	Tiền Giang	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
65	11110	127211110	Trần Đức Viễn	30/10/1995	Khánh Hòa	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)		
66	11113	127211113	Nguyễn Duy	09/6/1992	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)		
67	11115	127211115	Phạm Văn Sỹ	01/01/1987	Đồng Tháp	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)		
68	11116	127211116	Phạm Đoàn Ngọc Tuấn	01/3/1996	Hậu Giang	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)		
69	11117	127211117	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/3/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại - lồng ngực)		
70	11123	127211123	Lư Quý Trang	14/01/1994	Kiên Giang	Ngoại khoa (Ngoại - nhi)		
71	11125	127211125	Lương Minh Cường	12/12/1995	Kon Tum	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
72	11126	127211126	Đàng Quốc Duận	03/11/1992	Ninh Thuận	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
73	11129	127211129	Triệu Thị Thanh Hằng	03/10/1994	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
74	11130	127211130	Trương Văn Quang Hiến	13/9/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
75	11132	127211132	Nguyễn Hoàng Huy	14/12/1992	Bến Tre	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
76	11133	127211133	Lê Tường Kha	20/01/1993	Tp. Hồ Chí Minh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
77	11135	127211135	Hồ Hoàng Vũ	01/6/1996	Hà Tĩnh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		
78	11137	127211137	Trần Duy Đạt	06/8/1993	Thừa Thiên Huế	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
79	11138	127211138	Nông Văn Huy	14/12/1990	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
80	11140	127211140	Hoàng Ngọc Long	12/5/1996	Lâm Đồng	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
81	11141	127211141	Phạm Trường Minh	27/01/1995	Kiên Giang	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
82	11142	127211142	Nguyễn Hoàng Nam Nhật	11/7/1995	Long An	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		

TT	Số báo danh	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên
83	11145	127211145	Hạ Kỳ Văn	28/02/1995	Đắk Lắk	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)		
84	11148	127211148	Đào Thị Thu Hiền	04/10/1996	Hải Phòng	Nhân khoa.		
85	11149	127211149	Lê Thái Minh Hiếu	21/4/1996	Bình Định	Nhân khoa.		
86	11150	127211150	Nguyễn Huỳnh Phúc	26/3/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa.		
87	11151	127211151	Ngô Mạc Như Quỳnh	05/8/1996	Đắk Lắk	Nhân khoa.		
88	11152	127211152	Hồ Công Thùy Thanh	07/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa.		
89	11153	127211153	Nguyễn Văn Thành	07/7/1972	Bình Định	Nhân khoa.		
90	11154	127211154	Phan Nữ Hoài Thương	26/4/1996	Gia Lai	Nhân khoa.		
91	11155	127211155	Trần Thanh Tú	21/11/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Nhân khoa.		
92	11159	127211159	Phạm Thái Hải Nhi	03/9/1996	Lâm Đồng	Nhi khoa.		
93	11160	127211160	Ngô Chí Quang	11/12/1995	Kiên Giang	Nhi khoa.		
94	11161	127211161	Bùi Ngọc Minh Thanh	01/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nhi khoa.		
95	11166	127211166	Đỗ Hải An	31/8/1995	An Giang	Nội khoa		
96	11167	127211167	Nguyễn Trần Vĩnh An	06/4/1996	Cà Mau	Nội khoa		
97	11168	127211168	Trần Gia Bảo	15/10/1993	Bình Dương	Nội khoa		
98	11169	127211169	Trần Vi Diễm	21/6/1994	Quảng Ngãi	Nội khoa		
99	11170	127211170	Trần Huỳnh Mỹ Duyên	09/6/1995	Ninh Thuận	Nội khoa		
100	11171	127211171	Lê Đình Triều Giang	18/6/1994	Ninh Thuận	Nội khoa		
101	11174	127211174	Nguyễn Thị Lan Hương	16/10/1996	Hà Nội	Nội khoa		
102	11177	127211177	Phạm Thị Diễm Kiều	07/3/1991	Long An	Nội khoa		
103	11178	127211178	Hà Văn Minh	25/7/1993	Thanh Hóa	Nội khoa		
104	11179	127211179	Phạm Tố Như	29/6/1996	Đồng Nai	Nội khoa		
105	11180	127211180	Trần Âu Quế Nhung	17/6/1990	Long An	Nội khoa		
106	11181	127211181	Hà Thúc Nhượng	04/4/1983	Bình Định	Nội khoa		
107	11182	127211182	Nguyễn Hoàng Thiên Phát	05/11/1993	Tiền Giang	Nội khoa		
108	11183	127211183	Trương Gia Phúc	23/5/1995	Phú Yên	Nội khoa		
109	11184	127211184	Trần Quyên Phương	30/7/1996	An Giang	Nội khoa		
110	11186	127211186	Nguyễn Thanh Tân	08/11/1996	Tiền Giang	Nội khoa		
111	11188	127211188	Phan Thị Thanh Thanh	13/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa		

TT	Số báo danh	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Mã đề	Ký tên
112	11189	127211189	Nguyễn Trung Công Thành	15/6/1992	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa		
113	11191	127211191	Võ Đăng Toàn	12/01/1995	Bình Định	Nội khoa		
114	11192	127211192	Phan Hữu Trí	31/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nội khoa		
115	11193	127211193	Đoàn Quang Trường	26/3/1994	Thừa Thiên Huế	Nội khoa		
116	11194	127211194	Phan Duy Tùng	23/3/1993	Đồng Nai	Nội khoa		
117	11196	127211196	Đào Thị Hoàng Yến	06/10/1995	Lâm Đồng	Nội khoa		
118	11199	127211199	Lữ Thị Thanh Hiền	10/02/1994	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)		

Ấn định danh sách 118 học viên.

TRUNG TÂM Y SINH HỌC PHÂN TỬ

Hiện diện:

Vắng mặt:

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1: (ký tên, ghi họ tên)

Cán bộ coi thi 2: (ký tên, ghi họ tên)